

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại thời điểm 31/12/2021

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

05 - 13

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 03/01/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Theo giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **35.000.000.000 VND** (Ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận kiểm soát nội bộ điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Thành viên
Bà Lê Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Tổng Giám đốc	Chức vụ
Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc
Bộ phận Kiểm soát nội bộ	Chức vụ
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng bộ phận

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Công ty 18-4, Số 8 Phạm Hùng, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2021 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG



Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số : 157/2022/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 13 đã được lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 phù hợp quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 đã được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**



Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 31/12/2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



Nguyễn Thu Hằng

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	35.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	297.571.576		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	595.143.152		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.406.433.978		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản (i)	4.314.205.692		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (ii)		1.194.766.673	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			41.418.587.725
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9		-	
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		12.022.000.000	
	Phải thu của khách hàng		-	
1	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Trả trước cho người bán		12.022.000.000	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ		-	
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
6	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
7	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ		-	
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng		-	
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4.2	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng		12.022.000.000	
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			-
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu dài hạn khác			
5	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định			-
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			2.511.644.800
1	Đầu tư vào công ty con			-
2	Vốn góp liên doanh			-
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			-
4	Đầu tư chứng khoán dài hạn			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6			-
5	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			-
6	Đầu tư dài hạn khác			2.511.644.800
7	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-
V	Tài sản dài hạn khác			14.083.347
1	Chi phí trả trước dài hạn			14.083.347
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
3	Ký cược, ký quỹ dài hạn			-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6			-
1C	Tổng			2.525.728.147
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				26.870.859.578

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

(i) Số dư dự phòng suy giảm tài sản:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.194.766.673
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	831.573.429
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	2.287.865.590
Cộng	<u>4.314.205.692</u>

(ii) Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính:

	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá thị trường</u>	<u>Chênh lệch</u>
Giá trị tăng thêm			
Chứng khoán niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (Mã: OCH)	3.226.506.015	2.374.290.000	(852.216.015)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (Mã: PVR)	8.125.169.500	12.517.200.000	
+ Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Mã: ANT)	2.704.150.150	3.738.600.000	
+ Công ty Cổ phần Everpia (Mã: EVE)	1.466.882.028	1.425.780.000	(41.102.028)
Chứng khoán hủy niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (Mã: FBT)			(301.448.630)
Cộng	<u>15.522.707.693</u>	<u>20.055.870.000</u>	<u>(1.194.766.673)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại thời điểm 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

05 - 13

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 03/01/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Theo giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **35.000.000.000 VND** (Ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận kiểm soát nội bộ điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

<i>Hội đồng quản trị</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Thành viên
Bà Lê Thị Quỳnh Trang	Thành viên
<i>Tổng Giám đốc</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc
<i>Bộ phận Kiểm soát nội bộ</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng bộ phận

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Công ty 18-4, Số 8 Phạm Hùng, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2021 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG



Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số : 157./2022/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 13 đã được lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 phù hợp quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 đã được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



Nguyễn Thu Hằng

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	35.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	297.571.576		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	595.143.152		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.406.433.978		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản (i)	4.314.205.692		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (ii)		1.194.766.673	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			41.418.587.725
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		12.022.000.000	
	Phải thu của khách hàng			-
1	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán		12.022.000.000	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			-
3	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
4	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			-
5	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Các khoản phải thu khác			-
6	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			-
2	Thuế GTGT được khấu trừ			-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			-
4	Tài sản ngắn hạn khác			-
	Tạm ứng			-
4.1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			-
1B	Tổng			12.022.000.000
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			-
	Phải thu dài hạn của khách hàng			
1	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ		-	
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu dài hạn khác			
5	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		-	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.511.644.800	
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Vốn góp liên doanh		-	
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
4	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
5	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
6	Đầu tư dài hạn khác		2.511.644.800	
7	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	
V	Tài sản dài hạn khác		14.083.347	
1	Chi phí trả trước dài hạn		14.083.347	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
3	Ký cược, ký quỹ dài hạn		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6		-	
1C	Tổng		2.525.728.147	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			26.870.859.578

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

(i) Số dư dự phòng suy giảm tài sản:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.194.766.673
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	831.573.429
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	2.287.865.590
Cộng	<u>4.314.205.692</u>

(ii) Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính:

	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá thị trường</u>	<u>Chênh lệch</u>
Giá trị tăng thêm			
Chứng khoán niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (Mã: OCH)	3.226.506.015	2.374.290.000	(852.216.015)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (Mã: PVR)	8.125.169.500	12.517.200.000	
+ Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Mã: ANT)	2.704.150.150	3.738.600.000	
+ Công ty Cổ phần Everpia (Mã: EVE)	1.466.882.028	1.425.780.000	(41.102.028)
Chứng khoán hủy niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (Mã: FBT)			(301.448.630)
Cộng	<u>15.522.707.693</u>	<u>20.055.870.000</u>	<u>(1.194.766.673)</u>

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			12.091.835.313	-
1	Tiền mặt (VND)	0	869.169.594	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	11.222.665.719	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung Ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)				
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
IV. Cổ phiếu			20.055.870.000	3.749.881.500
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	1.425.780.000	142.578.000
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	2.374.290.000	356.143.500
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	16.255.800.000	3.251.160.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
VII. Các tài sản khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				325.006.780
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	PVR	20	1.625.033.900	325.006.780
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				4.074.888.280

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong năm 2021	(3.300.124.189)
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(5.163.268.532)
	1. Chi phí khấu hao	-
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.263.293.472)
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	100.024.940
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	1.863.144.343
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	465.786.086
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		10.788.465.399

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4.074.888.280	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.713.577.119	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	10.788.465.399	
5	Vốn khả dụng	26.870.859.578	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	249%	

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ


Nguyễn Thu Hằng



Phạm Quang Trung